TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VĨNH LONG** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24-9-2024
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quang Đông

2. Bà Đặng Ngọc Thu

Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Minh Bảo – Thư ký viên Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024 tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 136/2024/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1990, vắng mặt.

Nơi cư trú: Số nhà 213, đường N, Khóm M, Phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: Anh Nguyễn Tấn P, sinh năm 1990, vắng mặt.

Nơi cư trú: Số nhà 213, đường N, Khóm M, Phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/4/2024 và tại phiên hòa giải chị Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Về hôn nhân: Chị T và anh P tiến tới hôn nhân là do quen biết, được sự đồng ý của gia đình chị T và anh P đã tổ chức đám cưới, sau đám cưới chị T và anh P có làm thủ tục đăng ký hết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố

V, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 04/11/2021. Sau đám cưới chị T và anh P sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường hay cãi nhau, anh P có những lời lẽ xúc phạm đến danh dự của chị T. Chị T đã cố gắng hàn gắn tình cảm với anh P nhưng không giải quyết được mâu thuẫn giữa chị T và anh P. Nay tình cảm giữa chị T và anh P không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Tấn P.

Về con chung: Chị T và anh P có 01 con chung tên Nguyễn Tấn L, sinh ngày 19/8/2021. Khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tấn L, chị Thoa không yêu cầu anh P cấp dưỡng cho chị T nuôi dưỡng cháu L.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh P không có tài sản chung, không có nợ chung.

Quá trình giải quyết vụ án, anh P đã được Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt không có lý do; không có văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu của chị T.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng đối với anh P. Anh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp "Ly hôn" quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 12/8/2024 chị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; anh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh P là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Theo tài liệu, chứng cứ do chị T nộp có trong vụ án thể hiện:

Về hôn nhân: Chị T và anh P tiến tới hôn nhân do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 04/11/2021, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 41, ngày 04/11/2021. Quá trình chung sống chị T và anh P phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh P có lời lẽ xúc phạm đến chị T. Anh P vắng mặt tại

phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải và phiên tòa không có lý do. Xét thấy hôn nhân giữa chị T và anh P đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu ly hôn với anh P là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về con chung: Chị T và anh P có 01 con chung tên Nguyễn Tấn L, sinh ngày 19/8/2021. Khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tấn L, chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng cho chị T nuôi dưỡng cháu L.

Xét yêu cầu được nuôi dưỡng con chung của chị T, từ khi chị T nộp đơn xin ly hôn anh P vắng mặt tất cả các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa, anh Phát không có yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Tấn L, chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tấn L. Do đó yêu cầu được nuôi dưỡng con chung của chị T là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu của chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi dưỡng cháu Tấn L là tự nguyện phù hợp với quy định Điều 107, 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh P không có tài sản chung, nợ chung nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn. Anh P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về nội dung:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim T, cho chị Nguyễn Thị Kim T ly hôn với anh Nguyễn Tấn P.

Về con chung: Buộc anh Nguyễn Tấn P giao cháu Nguyễn Tấn L, sinh ngày 19/8/2021 cho chị Nguyễn Thị Kim T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, anh Nguyễn Tấn P không phải cấp dưỡng cho chị Nguyễn Thị Kim T nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tấn L.

Anh Nguyễn Tấn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu anh Nguyễn Tấn P lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Nguyễn Thị Kim T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con đối với anh Nguyễn Tấn P.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Kim T chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn, nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số N^{0}0006825, ngày 25 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V; chị Nguyễn Thị Kim T đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Nguyễn Tấn P không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TVL;
- VKSND TPVL;
- CCTHA TPVL;
- UBND Phường T, TPVL, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Loan